

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH

LI SI JIE

PHÁT TRIỂN KHU KINH TẾ CỬA KHẨU LÀO CAI

Chuyên ngành: Quản lý kinh tế
Mã số: 9.31.01.10

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

THÁI NGUYÊN – 2026

Công trình được hoàn thành tại:
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH
– ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

Người hướng dẫn khoa học: PGS. TS. TRẦN NHUẬN KIÊN

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Phản biện 3:

Luận án được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Đại học
Thái Nguyên họp tại:

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Vào hồigiờngày..... tháng..... năm.....

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- TRUNG TÂM HỌC LIỆU – ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**
- THƯ VIỆN TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QTKD**

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU ĐÃ CÔNG BỐ
CỦA TÁC GIẢ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

- Li Si Jie (2025).Determinants of Cross-border Economic Zone Development: Empirical Evidence from Lao Cai, Vietnam. *Journal of Global Economics, Management and Business Research*, 17(3), 309-320. ISSN: 2454-2504.

- Li Si Jie(2025).Development of the Lao Cai Border Gate Economic Zone. *International Journal of All Research Writings*, 7(4), 16-22. ISSN: 2582-1008.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của luận án

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế, phát triển KKTCK giữ vai trò chiến lược trong thúc đẩy tăng trưởng vùng biên giới và hợp tác quốc tế. KKTCK Lào Cai, nằm trên hành lang kinh tế Côn Minh – Lào Cai – Hà Nội – Hải Phòng, là cửa ngõ quan trọng kết nối Việt Nam với Trung Quốc và khu vực Mekong mở rộng, đồng thời là cực tăng trưởng về thương mại và logistics. Giai đoạn 2020–2024, khu kinh tế đạt nhiều kết quả tích cực về xuất nhập khẩu và thu hút đầu tư, khẳng định vai trò trong phát triển kinh tế biên mậu. Tuy nhiên, khu vực này vẫn tồn tại hạn chế về thể chế, hạ tầng logistics, nguồn nhân lực, mô hình quản lý và liên kết vùng. Bối cảnh biến động kinh tế toàn cầu và yêu cầu chuyển đổi số, phát triển xanh đặt ra nhiều thách thức mới. Về nghiên cứu, còn thiếu các phân tích chuyên sâu từ góc độ quản lý kinh tế tổng hợp và hợp tác xuyên biên giới. Do đó, việc nghiên cứu toàn diện KKTCK Lào Cai trong mối quan hệ với Hà Khẩu là cần thiết, nhằm hoàn thiện chính sách và nâng cao hiệu quả phát triển.

2. Mục tiêu nghiên cứu

2.1. Mục tiêu chung

Luận án tiến hành phân tích một cách toàn diện về thực trạng phát triển Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Lào Cai trong giai đoạn 2020 – 2024 dưới góc độ quản lý kinh tế. Từ đó, đề xuất các định hướng và giải pháp nhằm thúc đẩy Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai phát triển theo hướng trở thành cực tăng trưởng kinh tế, một đầu mối quan trọng kết nối kinh tế quốc tế, logistics và thương mại xuyên biên giới giữa Việt Nam với Trung Quốc và khu vực ASEAN.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Các mục tiêu cụ thể của luận án tập trung vào Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai, được xem là trung tâm phân tích của nghiên cứu:

Thứ nhất, hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về phát triển khu kinh tế cửa khẩu dưới góc độ quản lý kinh tế, làm rõ vai trò của thể chế, hạ tầng,

nguồn nhân lực, liên kết vùng và mô hình quản lý đối với tăng trưởng và phát triển bền vững;

Thứ hai, đánh giá thực trạng phát triển giai đoạn 2020–2024 trên các phương diện tăng trưởng, cơ cấu kinh tế, hạ tầng, thu hút đầu tư và quốc phòng – an ninh, qua đó xác định hạn chế và nguyên nhân;

Thứ ba, phân tích và kiểm định định lượng tác động của các yếu tố quản lý kinh tế đến tăng trưởng, năng lực cạnh tranh và tham gia chuỗi giá trị trong bối cảnh hội nhập và chuyển đổi số;

Thứ tư, đề xuất hệ thống giải pháp khả thi nhằm khai thác hiệu quả lợi thế cửa khẩu, phát triển bền vững đến năm 2030, tầm nhìn 2045.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là Lý luận về phát triển Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai dưới góc độ quản lý kinh tế và thực trạng phát triển KTTCK trong giai đoạn 2020–2024.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

3.2.1. Phạm vi không gian

Luận án được thực hiện tại Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai trên địa bàn tỉnh Lào Cai, Việt Nam.

3.2.2. Phạm vi thời gian

Thời gian nghiên cứu số liệu thứ cấp trong giai đoạn 2020 – 2024, số liệu điều tra sơ cấp năm 2024, giải pháp được thực hiện đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045.

3.2.3. Phạm vi nội dung

Luận án tiến hành đánh giá thực trạng phát triển Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai giai đoạn 2020 – 2024 trên các nội dung chính gồm: Xây dựng kế hoạch phát triển KKTCK; Tổ chức thực hiện và quản lý KKTCK; Kiểm tra, đánh giá hoạt động quản lý KKTCK. Đồng thời, sử dụng mô hình phân tích định lượng phù hợp để đánh giá mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến phát triển Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai thời gian qua.

4. Những đóng góp mới của luận án

4.1. Về mặt lý luận

Làm rõ các khái niệm, cơ sở lý luận và mô hình phát triển khu kinh tế cửa khẩu trong bối cảnh hội nhập khu vực và toàn cầu, đặc biệt là những biến động tình hình mới trong thời gian vừa qua.

Đề tài góp phần bổ sung và làm rõ một số khía cạnh lý luận về quản lý và phát triển khu kinh tế cửa khẩu tại Việt Nam nói chung và các địa phương có những đặc thù riêng. Từ đó, kết quả nghiên cứu của luận án tạo tiền đề cho việc hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển các khu kinh tế cửa khẩu khác trên toàn quốc, đặc biệt tại khu vực biên giới phía Bắc; hỗ trợ mục tiêu phát triển cân bằng giữa các vùng miền, tăng cường liên kết vùng và củng cố vai trò của kinh tế biên mậu trong nền kinh tế quốc dân.

4.2. Về mặt thực tiễn

Luận án đã tiến hành nghiên cứu, phân tích thực trạng phát triển Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai giai đoạn 2020 – 2024 – một giai đoạn có nhiều biến động của thế giới (bệnh dịch, chiến tranh). Kết quả đánh giá yếu tố ảnh hưởng đến cũng có nhiều biến động hơn so với các nghiên cứu trước đây.

Phạm vi đánh giá thực trạng phát triển Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai được thực hiện trên nhiều phương diện như: hạ tầng giao thông – logistics, thu hút đầu tư, thương mại biên giới, chính sách ưu đãi, nguồn nhân lực và kết nối vùng.

Các giải pháp thiết thực giúp khai thác tối đa lợi thế cửa khẩu quốc tế, nâng cao năng lực cạnh tranh và thu hút nguồn lực phát triển khu kinh tế.

Luận án đã xây dựng giải pháp trên 3 khía cạnh gồm: Căn cứ thực hiện; Các biện pháp triển khai; Kết quả dự kiến, nhờ đó có thể giúp địa phương dễ dàng triển khai phù hợp.

Luận án đã xây dựng 02 giải pháp mới chưa được các nghiên cứu trước đề cập và phù hợp với địa bàn tỉnh Lào Cai và tình hình mới gồm: xây dựng chuyên trang điện tử về hợp tác kinh tế biên giới tích hợp trên cổng thông

tin chính thức của Ban Quản lý KKTCK Lào Cai; Phát triển cơ chế một cửa điện tử liên thông.

5. Bố cục của luận án

Ngoài phần mở đầu và kết luận, luận án được kết cấu làm 5 chương, cụ thể:

Chương 1: Tổng quan tài liệu nghiên cứu

Chương 2: Cơ sở lý luận và thực tiễn về phát triển khu kinh tế cửa khẩu

Chương 3: Phương pháp nghiên cứu

Chương 4: Thực trạng phát triển Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai

Chương 5: Giải pháp đẩy mạnh phát triển Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai trong xu thế hội nhập kinh tế toàn cầu.

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN TÀI LIỆU NGHIÊN CỨU

1.1. Những kết quả chính trong các công trình nghiên cứu

1.1.1. Các công trình nghiên cứu về luật pháp, chính sách phát triển khu kinh tế cửa khẩu

Các nghiên cứu khẳng định vai trò của Nhà nước trong thúc đẩy kinh tế cửa khẩu thông qua chính sách và cải cách quản lý. KKTCK được xem là động lực phát triển thương mại–dịch vụ–du lịch, thu hút đầu tư và hạ tầng; đồng thời cần khung pháp lý minh bạch, cơ chế phối hợp hiệu quả để vận hành bền vững (Lương Đăng Ninh, 2004; Dong Jiaxiang, 2013; Sun Xia, 2014).

1.1.2. Các công trình nghiên cứu về hợp tác kinh tế xuyên biên giới

Nhấn mạnh KKT/Khu hợp tác xuyên biên giới như “đầu cầu” hội nhập, thúc đẩy thương mại–đầu tư–giao lưu văn hóa; vai trò then chốt của hạ tầng, môi trường đầu tư và cơ chế hợp tác/liên kết thể chế (Quan Hongtao và cs., 2012; Fan Hongwei, 2011; Luke & Hu Liequ, 2014; Zhang Ruikun, 2019; Zuo Ming & Zhang Renwen, 2014).

1.1.3. Các nghiên cứu liên quan đến phát triển hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu

Tập trung vào quy hoạch không gian, đô thị hóa biên giới, phát triển logistics và lồng ghép môi trường trong quy hoạch sử dụng đất. Hạn chế chung là nhiều nghiên cứu thiên về kỹ thuật/định tính và gắn với một địa bàn cụ thể nên khó khái quát rộng (Đặng Xuân Phong, 2012; Nguyễn Văn Trị, 2014).

1.1.4. Các nghiên cứu về hiệu quả kinh tế trong khu kinh tế cửa khẩu

Làm rõ vai trò cửa khẩu/KKTCK trong phát triển kinh tế hàng hóa và hội nhập; đề xuất giải pháp hạ tầng–ưu đãi–quản lý–thể chế hợp tác. Điểm yếu thường gặp là dữ liệu cũ, ít lượng hóa tác động, chưa phân tích sâu đặc thù từng KKTCK và yêu cầu quản trị hiện đại (Phạm Văn Linh, 1999, 2011; Yang Qiang & Zhang Yan, 2009; Lalkaka, 2011; Wallack, 2010; Nguyễn Minh Hiếu, 2011; Giàng Thị Dung, 2014).

1.1.5. Các nghiên cứu về thương mại xuyên biên giới

Các công trình mô tả tiến trình, hiện trạng, lợi thế và hạn chế của thương mại biên giới; nhấn mạnh nhu cầu chiến lược–quy hoạch–hạ tầng cửa khẩu và quản lý nhà nước. Hạn chế là nhiều nghiên cứu sớm, chủ yếu định tính, chưa cập nhật chuyển đổi số, thương mại điện tử và biến động chuỗi cung ứng (Nguyễn Minh Hằng, 2001; Phạm Thị Cải, 2003; Hà Văn Hội, 2018; Nguyễn Văn Hội, 2018).

1.1.6. Các yếu tố ảnh hưởng phát triển KKTCK

Các yếu tố nổi bật gồm: (i) thể chế–chính sách và thủ tục; (ii) hạ tầng giao thông–logistics–CNTT và quy hoạch gắn môi trường; (iii) thương mại và thu hút đầu tư; (iv) chất lượng nhân lực và dịch vụ hỗ trợ; (v) hợp tác quốc tế/quan hệ song phương và mức độ hội nhập.

1.1.7. Về mô hình tổ chức và quản lý KKTCK

Nghiên cứu nhấn mạnh mô hình quản lý là “xương sống thể chế”, hướng tới liên thông–một cửa–minh bạch–linh hoạt; tham chiếu các mô hình quản lý một đầu mối, phân cấp trung ương–địa phương và PPP. Thực tiễn

Việt Nam cho thấy KKTCK phát triển nhưng còn hạn chế về hạ tầng, ưu đãi và cơ chế quản trị; Lào Cai là điểm sáng song vẫn thiếu logistics, nhân lực, liên thông dữ liệu và dễ chịu tác động chính sách phía đối tác, cần định hướng phát triển theo mô hình tích hợp thương mại–công nghiệp–logistics–dịch vụ và chuyển đổi số.

1.2. Đánh giá chung

1.2.1. Các khoảng trống trong nghiên cứu

Tổng quan nghiên cứu cho thấy, dù đã có nhiều đóng góp về phát triển KKTCK, vẫn tồn tại những khoảng trống đáng kể. Các nghiên cứu chủ yếu tập trung vào kinh tế và chính trị, chưa làm rõ vai trò của yếu tố văn hóa – xã hội đối với phát triển bền vững, đặc biệt tại Lào Cai – Hà Khẩu. Đồng thời, tác động của môi trường, biến đổi khí hậu, hạ tầng giao thông và kết nối vùng chưa được phân tích đầy đủ. Hiệu quả chính sách, hợp tác xuyên biên giới, cùng với các vấn đề về nguồn nhân lực, DNNVV và thương mại điện tử vẫn chưa được quan tâm đúng mức.

1.2.2. Những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu

Luận án tập trung giải quyết bốn vấn đề nghiên cứu chính: (1) Phân tích tác động của các cú sốc toàn cầu (dịch bệnh, xung đột, đứt gãy chuỗi cung ứng) đến động lực và cấu trúc phát triển của KKTCK Lào Cai trong giai đoạn 2020-2024. (2) Xây dựng và áp dụng khung đánh giá đa chiều, đồng bộ về hạ tầng logistics, đầu tư, thương mại, chính sách, nhân lực và kết nối vùng để nhận diện đầy đủ các nút thắt phát triển. (3) Đề xuất hệ thống giải pháp có tính khả thi cao, được cấu trúc rõ theo 3 hợp phần: căn cứ thực hiện, biện pháp triển khai và kết quả dự kiến để địa phương dễ áp dụng. (4) Bổ sung các giải pháp số hóa đặc thù, bao gồm xây dựng chuyên trang điện tử về hợp tác kinh tế biên giới và phát triển cơ chế một cửa điện tử liên thông, nhằm hiện đại hóa quản trị và nâng cao năng lực cạnh tranh.

CHƯƠNG 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ PHÁT TRIỂN KHU KINH TẾ CỬA KHẨU

2.1. Cơ sở lý luận về phát triển khu kinh tế cửa khẩu

2.1.1. Quan niệm về phát triển khu kinh tế cửa khẩu

2.1.1.1. Khái niệm, đặc điểm cửa khẩu và khu vực cửa khẩu

Cửa khẩu chủ yếu được hiểu là cửa khẩu biên giới đất liền – tức là điểm giao thương chính thức nằm tại vùng giáp ranh lãnh thổ giữa hai quốc gia trên đất liền. Khu vực cửa khẩu là phần lãnh thổ có địa giới trùng hoặc tiếp giáp với đường biên giới quốc gia, được tổ chức thành các khu chức năng nhằm phục vụ hoạt động quản lý nhà nước, thương mại, dịch vụ và kiểm soát an ninh – quốc phòng.

2.1.1.2. Khái niệm phát triển khu kinh tế cửa khẩu

Phát triển khu kinh tế cửa khẩu là quá trình nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động kinh tế tại khu vực biên giới, thông qua mở rộng không gian kinh tế, tăng kim ngạch xuất nhập khẩu, hiện đại hóa hạ tầng, thu hút đầu tư và hoàn thiện thể chế. Đây là quá trình có định hướng của Nhà nước và các chủ thể kinh tế nhằm khai thác lợi thế vị trí địa lý, thúc đẩy thương mại quốc tế, tăng cường liên kết vùng, từ đó góp phần tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu, nâng cao đời sống xã hội và bảo đảm quốc phòng – an ninh.

2.1.2. Phân loại và vai trò của phát triển khu kinh tế cửa khẩu

2.1.2.1. Phân loại khu kinh tế cửa khẩu

Phân loại theo vị trí và tính chất cửa khẩu biên giới

Phân loại theo chức năng kinh tế chủ yếu

Phân loại theo quy mô và phạm vi lãnh thổ

Phân loại theo mô hình liên kết kinh tế xuyên biên giới

2.1.2.2. Vai trò của cửa khẩu trong phát triển kinh tế - xã hội

Cửa khẩu là trung tâm của hoạt động giao lưu hàng hóa, dịch vụ và đầu tư xuyên biên giới.

Cửa khẩu tạo động lực phát triển kinh tế vùng biên, thông qua cơ chế thu hút đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng và tạo công ăn việc làm cho người dân địa phương.

Cửa khẩu đóng vai trò là điểm kiểm soát quan trọng đối với an ninh quốc gia, phòng chống buôn lậu và gian lận thương mại.

Cửa khẩu là cầu nối cho giao lưu văn hóa, du lịch và hợp tác quốc tế.

2.1.2.3. Vai trò của phát triển khu kinh tế cửa khẩu

Thúc đẩy phát triển thương mại biên mậu và liên kết vùng

Tăng cường hợp tác kinh tế quốc tế và xây dựng quan hệ hữu nghị

Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đô thị hóa và phát triển hạ tầng

Bảo đảm an ninh, quốc phòng và ổn định xã hội khu vực biên giới

Chính quy hóa hoạt động thương mại tiểu ngạch và hạn chế kinh tế phi chính thức

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực biên giới và năng lực quản trị thương mại

2.1.3. Nội dung nghiên cứu về phát triển khu kinh tế cửa khẩu

2.1.3.1. Xây dựng kế hoạch phát triển KKTCK

Xây dựng kế hoạch là khâu khởi đầu, có vai trò định hình tầm nhìn, mô hình và lộ trình phát triển KKTCK. Kế hoạch cần dựa trên đánh giá toàn diện điều kiện tự nhiên, kinh tế – xã hội, hạ tầng, logistics, vai trò liên kết vùng và xu hướng thương mại biên giới. Nội dung trọng tâm gồm: lựa chọn mô hình phát triển phù hợp, xác định mục tiêu và chỉ tiêu đa chiều (kinh tế, xã hội, môi trường), dự báo nhu cầu nguồn lực, phân tích rủi ro và bảo đảm tính tích hợp với các quy hoạch, chiến lược liên quan, cùng cơ chế phối hợp liên ngành và tham vấn doanh nghiệp.

2.1.3.2. Tổ chức thực hiện và quản lý KKTCK

Tổ chức thực hiện và quản lý quyết định hiệu quả vận hành KKTCK, khả năng thu hút đầu tư và năng lực cạnh tranh. Các nghiên cứu nhấn mạnh vai trò trung tâm của Ban Quản lý với mức độ tự chủ phù hợp, cơ chế phối hợp liên ngành hiệu quả, thực thi nhất quán chính sách ưu đãi và quản lý hạ

tàng, logistics, khu phi thuế quan. Đồng thời, cần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, mô hình “một cửa – một điểm dừng”, gắn quản lý kinh tế với bảo đảm an ninh, trật tự và phòng chống gian lận thương mại.

2.1.3.3. Kiểm tra, đánh giá hoạt động quản lý KKTCK

Kiểm tra – đánh giá là cơ chế phản hồi quan trọng nhằm nâng cao hiệu lực quản lý KKTCK. Nội dung đánh giá bao gồm kết quả phát triển (thương mại, đầu tư, hạ tầng, ngân sách), hiệu quả quản lý nhà nước (thủ tục, phối hợp liên ngành, mức độ hài lòng của doanh nghiệp) và tác động kinh tế – xã hội – môi trường. Các nghiên cứu khuyến nghị áp dụng bộ chỉ số đánh giá đa chiều, tăng cường minh bạch, trách nhiệm giải trình và ứng dụng công nghệ số trong giám sát, đánh giá để hỗ trợ điều chỉnh chính sách kịp thời và phát triển bền vững.

2.1.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển khu kinh tế cửa khẩu

2.1.4.1. Cơ sở hạ tầng

2.1.4.2. Chính sách quản lý và ưu đãi

2.1.4.3. Quan hệ quốc tế và hợp tác khu vực

2.1.4.4. Năng lực cạnh tranh và đổi mới

2.1.4.5. Môi trường kinh tế toàn cầu

2.1.4.6. Nguồn nhân lực

2.1.4.7. Môi trường sống và xã hội

2.2. Cơ sở thực tiễn về phát triển khu kinh tế cửa khẩu

2.2.1. Kinh nghiệm phát triển khu kinh tế cửa khẩu tại một số quốc gia

2.2.2. Kinh nghiệm phát triển của một số Khu kinh tế cửa khẩu tại Việt Nam

2.2.3. Bài học kinh nghiệm đối với phát triển Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai

Từ kinh nghiệm trong nước và khu vực, phát triển KKTCK Lào Cai cần xác định rõ vai trò chiến lược trong quy hoạch quốc gia và hành lang kinh tế, đồng thời xây dựng cơ chế phối hợp quản lý xuyên biên giới linh hoạt nhằm nâng cao hiệu quả thông quan và logistics. Việc đầu tư đồng bộ hạ tầng kết

nội và dịch vụ logistics là điều kiện then chốt, cùng với huy động đa dạng nguồn lực, đặc biệt là hợp tác công – tư và quốc tế. Bên cạnh đó, cần tăng cường phân quyền cho địa phương và Ban Quản lý để nâng cao tính chủ động. Phát triển KKTCK cũng phải bảo đảm cân bằng giữa thu hút đầu tư nước ngoài và nội lực, đa dạng hóa thương mại biên giới. Đồng thời, cần phát huy vai trò lãnh đạo, chính sách đặc thù, liên kết vùng, gắn với quốc phòng – an ninh, chú trọng nguồn nhân lực và chuyển đổi số để bảo đảm phát triển bền vững.

CHƯƠNG 3

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1. Câu hỏi nghiên cứu

- Lý luận về phát triển Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế bao gồm những nội dung chính gì?

- Thực trạng phát triển Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai giai đoạn 2020 – 2024 diễn ra như thế nào?

- Những yếu tố nào ảnh hưởng tới phát triển Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai? Mức độ ảnh hưởng của các yếu tố ra sao?

- Cần có những giải pháp nào để đẩy mạnh phát triển Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai trong bối cảnh hội nhập khu vực và toàn cầu?

3.2. Các phương pháp tiếp cận nghiên cứu

3.2.1. Phương pháp tiếp cận hệ thống

3.2.2. Phương pháp tiếp cận có sự tham gia

3.2.3. Phương pháp tiếp cận diễn dịch

3.2.4. Phương pháp tiếp cận quy nạp

3.2.5. Phương pháp SWOT

3.3. Những phương pháp nghiên cứu cụ thể

3.3.1. Phương pháp thu thập dữ liệu

- Phương pháp tổng quan tài liệu thứ cấp: Phương pháp tổng quan tài liệu thứ cấp là một công cụ quan trọng trong nghiên cứu, giúp tận dụng tri thức đã được tích lũy và công bố để đưa ra cái nhìn sâu rộng và đa chiều phát triển Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai, đồng thời đóng góp vào việc xây dựng cơ sở lý thuyết vững chắc cho nghiên cứu.

- Thu thập dữ liệu sơ cấp:

+ Đối với cán bộ quản lý tại Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Lào phương pháp chọn mẫu phi ngẫu nhiên có chủ đích gồm 85 phiếu hợp lệ

+ Đối với doanh nghiệp: điều tra toàn bộ 191 doanh nghiệp/dự án đang hoạt động với số phiếu hợp lệ 180 phiếu

3.3.2. Phương pháp xử lý dữ liệu

Các số liệu, tài liệu sau khi thu thập được tiến hành chọn lọc, hệ thống hóa để tính toán các chỉ tiêu phù hợp với đề tài nghiên cứu. Từ đó tổng hợp, thống kê, so sánh, phân tích các dữ liệu làm cơ sở cho việc đánh giá thực trạng, chỉ ra kết quả đạt được, những vấn đề còn tồn tại và hạn chế làm căn cứ đề xuất giải pháp thúc đẩy phát triển Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai.

3.3.3. Phương pháp phân tích dữ liệu

3.3.3.1. Phương pháp thống kê mô tả

3.3.3.2. Phương pháp so sánh

3.3.3.3. Phương pháp phân tích nhân tố khám phá EFA

Luận án xác định các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai bao gồm các yếu tố: Cơ sở hạ tầng, Chính sách quản lý và ưu đãi, Quan hệ quốc tế và hợp tác khu vực, Năng lực cạnh tranh và đổi mới, Môi trường kinh tế toàn cầu, Nguồn nhân lực, Môi trường sống và xã hội.

3.3.3.4. Phân tích hồi quy tuyến tính bội

3.4. Quy trình nghiên cứu

- (1) Bước 1: Xác định vấn đề nghiên cứu
- (2) Bước 2: Xác định mục tiêu nghiên cứu
- (3) Bước 3: Thực hiện nghiên cứu định tính

(4) Bước 4: Thực hiện nghiên cứu thực trạng phát triển Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai

(5) Bước 5: Phân tích nhân tố khám phá (EFA)

(6) Bước 6: Thực hiện phân tích nhân tố ảnh hưởng

(7) Bước 7: Đưa ra giải pháp cho vấn đề nghiên cứu

3.5. Hệ thống chỉ tiêu nghiên cứu

3.5.1. Phát triển cơ sở hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu

3.5.2. Xây dựng và quản lý quy hoạch khu kinh tế cửa khẩu

3.5.3. Hoạt động xuất nhập khẩu khu kinh tế cửa khẩu

3.5.4. Các chỉ tiêu đánh giá yếu tố ảnh hưởng đến phát triển KKTCK

CHƯƠNG 4

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KHU KINH TẾ CỬA KHẨU LÀO CAI

4.1. Khái quát về địa bàn nghiên cứu

4.1.1. Điều kiện tự nhiên của tỉnh Lào Cai

4.1.2. Điều kiện kinh tế xã hội của tỉnh Lào Cai

4.1.3. Sự hình thành và phát triển của Khu Kinh tế cửa khẩu Lào Cai

4.1.4. Đánh giá chung

4.1.4.1. Những thuận lợi

4.1.4.2. Những khó khăn

4.2. Thực trạng phát triển Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai

4.2.1. Xây dựng kế hoạch phát triển khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai

KKTCK Lào Cai được hình thành từ Quyết định 100/1998/QĐ-TTg, đặt mục tiêu xây dựng Lào Cai trở thành trung tâm giao thương Việt Nam – Trung Quốc và kết nối ASEAN. Từ năm 2001, khu kinh tế đi vào hoạt động và liên tục được hoàn thiện thông qua nhiều văn bản pháp lý quan trọng như Nghị định 29/2008/NĐ-CP về quản lý và ưu đãi KKTCK; Quyết định 317/QĐ-TTg (2014) thành lập Ban Quản lý KKT Lào Cai theo cơ chế một đầu mối; Quyết định 1627/QĐ-TTg (2018) phê duyệt quy hoạch chung đến

2040, tầm nhìn 2050; Quyết định 1199/QĐ-TTg (2023) về quy hoạch cửa khẩu Việt–Trung; cùng các kế hoạch, đề án của tỉnh như 02-ĐA/TU, 05-ĐA/TU (2020) và 39/KH-UBND (2023) thúc đẩy công nghiệp – logistics. Hệ thống chính sách này đã góp phần nâng cấp hạ tầng giao thông–logistics, thu hút đầu tư vào chế biến, dịch vụ và kho vận, đồng thời tăng cường vai trò liên kết vùng của Lào Cai. Tuy vậy, khảo sát cho thấy việc điều chỉnh kế hoạch còn chậm do quy trình pháp lý phức tạp, đặc biệt trong giai đoạn biến động như Covid-19. Nhìn chung, công tác xây dựng kế hoạch được đánh giá tốt về quy trình và mức độ bám sát thực tiễn, nhưng cần tiếp tục cải cách thủ tục và nâng cao khả năng phản ứng chính sách để đáp ứng yêu cầu phát triển trong thời gian tới.

4.2.2. Tổ chức thực hiện và quản lý khu kinh tế cửa khẩu

4.2.2.1. Tổ chức bộ máy quản lý của Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Lào Cai

Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Lào Cai được thành lập theo Quyết định 317/QĐ-TTg (2014) trên cơ sở hợp nhất Ban quản lý KCN và Ban quản lý các cửa khẩu, là cơ quan trực thuộc UBND tỉnh, thực hiện cơ chế “một đầu mối” trong quản lý đầu tư, thương mại, dịch vụ và hỗ trợ doanh nghiệp tại KKTCK. Bộ máy này góp phần tăng tính thống nhất, điều phối liên ngành tốt hơn và tổ chức phát triển KKTCK theo không gian 3 phân vùng gắn với 3 cửa khẩu quốc tế (Lào Cai, Bản Vược, Mường Khương). Tuy nhiên, để phát huy tối đa vai trò đầu mối, Ban vẫn cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế phối hợp, nâng cao chất lượng nhân lực và kiến nghị điều chỉnh khung pháp lý còn vướng.

4.2.2.2. Phát triển cơ sở hạ tầng

Về hạ tầng, giai đoạn 2020–2024, tỉnh và Ban đã đầu tư đáng kể cho GPMB, giao thông, kho bãi, logistics và hạ tầng số. Công tác GPMB triển khai đúng quy trình nhưng tiến độ chậm, tỷ lệ giải ngân còn thấp, vướng nhất ở đơn giá đền bù và chồng lấn quy hoạch. Hạ tầng giao thông được cải thiện với cao tốc, quốc lộ, tỉnh lộ và chuẩn bị sân bay Sa Pa, song chất lượng một số tuyến (như cao tốc Hà Nội – Lào Cai) và năng lực đường sắt,

hàng không vẫn còn hạn chế. Hạ tầng kho bãi, logistics, nhất là Trung tâm logistics Kim Thành – Bản Vược và nền tảng cửa khẩu số, đã giúp rút ngắn thời gian thông quan, nâng năng lực xử lý hàng hóa, dù chi phí logistics vẫn cao và liên kết doanh nghiệp còn lỏng.

Hệ thống thông tin – truyền thông được đầu tư theo hướng cửa khẩu số, giảm mạnh số “điểm chạm”, rút ngắn thời gian thông quan và hỗ trợ doanh nghiệp khai báo, theo dõi trực tuyến. Khảo sát cán bộ và doanh nghiệp cho thấy mức độ hài lòng khá tốt với hạ tầng giao thông, kho bãi, logistics và ICT (khoảng 3,4–3,7/5 điểm), nhưng vẫn “phân vân” với công tác GPMB và nguồn lực đầu tư cho hạ tầng thông tin. Đây là những “nút thắt” cần được ưu tiên xử lý trong giai đoạn tới.

4.2.2.3. Quản lý hoạt động xuất nhập khẩu

Giai đoạn 2020–2024, hoạt động xuất nhập khẩu tại KKTCK Lào Cai chịu tác động mạnh từ đại dịch Covid-19, nhưng nhờ sự điều hành linh hoạt của Ban Quản lý Khu kinh tế và các lực lượng cửa khẩu, hoạt động thông thương vẫn được duy trì. Tỉnh đã triển khai mô hình khu cách ly lái xe, điều tiết phương tiện, tổ chức nhiều hội nghị kết nối tiêu thụ nông sản, hướng dẫn doanh nghiệp tham gia “luồng xanh”, đồng thời phối hợp với phía Vân Nam tháo gỡ ách tắc thông quan. Tuy vậy, dữ liệu giữa hai bên biên giới chưa đồng bộ khiến quá trình xử lý thủ tục đôi khi còn chậm.

Kết quả XNK giai đoạn 2020–2024 cho thấy sự biến động mạnh: năm 2021 đạt 3,5 tỷ USD nhưng giảm sâu năm 2022 do chính sách “Zero Covid”. Từ 2023–2024, kim ngạch phục hồi mạnh, năm 2024 đạt gần 3 tỷ USD (tăng 72%), đặc biệt nhóm nông sản (sầu riêng, thanh long, chuối...) tăng đột phá. Số doanh nghiệp XNK tăng nhanh từ 653 (2023) lên 792 (2024), thể hiện môi trường kinh doanh thuận lợi hơn. Các doanh nghiệp trong KKTCK được hưởng đầy đủ ưu đãi về thuế, đất đai, thủ tục hành chính và hỗ trợ tín dụng, nhưng vẫn gặp khó khăn do chính sách chồng chéo, thủ tục phức tạp và thiếu thông tin. Khảo sát cán bộ quản lý cho thấy mức độ đồng ý với hiệu quả quản lý XNK đạt 3,42–3,58/5 điểm.

Nhìn chung, quản lý XNK tại KKTCK Lào Cai đã đạt kết quả tích cực trong bối cảnh khó khăn, song cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế phối hợp, mở rộng số hóa quy trình thông quan và nâng cấp hạ tầng logistics để đáp ứng yêu cầu tăng trưởng trong giai đoạn tới.

4.2.2.4. Quản lý hoạt động hợp tác thông thương

Giai đoạn 2020–2024, công tác quản lý hợp tác thông thương tại KKTCK Lào Cai đạt nhiều kết quả tích cực nhờ cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng chức năng trong nước và với phía Hà Khẩu (Trung Quốc). Trong bối cảnh dịch Covid-19, tỉnh Lào Cai đã chủ động duy trì kênh liên lạc thường xuyên, linh hoạt qua hội đàm trực tuyến, công hàm và gặp gỡ song phương, góp phần đảm bảo chuỗi cung ứng và ổn định hoạt động xuất nhập khẩu. Hoạt động hợp tác ngày càng đa dạng, mức độ ứng dụng công nghệ và mô hình “một cửa – một điểm dừng” được đánh giá cao, với điểm trung bình trên 4/5. Tuy nhiên, hợp tác hiện vẫn chủ yếu dựa trên thỏa thuận cấp địa phương, việc chuyển hóa sang hợp tác đầu tư và logistics quy mô lớn còn chậm. Do đó, trong thời gian tới cần đẩy nhanh thể chế hóa các thỏa thuận song phương ở cấp cao, tăng cường đầu tư hạ tầng logistics và hoàn thiện mô hình cửa khẩu thông minh để phát huy đầy đủ vai trò động lực của KKTCK Lào Cai.

4.2.3. Kiểm tra, đánh giá hoạt động quản lý khu kinh tế cửa khẩu

Giai đoạn 2020–2024, công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động quản lý KKTCK Lào Cai được triển khai tương đối thường xuyên và bài bản, với khoảng 9–10 cuộc kiểm tra mỗi năm do UBND tỉnh và các Bộ, ngành thực hiện. Nội dung kiểm tra bao quát nhiều lĩnh vực như quản lý hành chính, phát triển kinh tế – thương mại – đầu tư, quy hoạch và sử dụng đất, bảo vệ môi trường, phòng chống vi phạm và mức độ hài lòng của doanh nghiệp. Kết quả cho thấy Ban Quản lý KKTCK đã có nhiều chuyển biến tích cực trong phối hợp quản lý nhà nước, quản lý quy hoạch, xúc tiến và giám sát đầu tư, cũng như rà soát sử dụng đất. Tuy nhiên, vẫn tồn tại một số hạn chế như tiến độ triển khai hạ tầng kỹ thuật còn chậm, phối hợp liên ngành trong

thông quan chưa thật sự hiệu quả, nguy cơ gian lận thương mại, quản lý lao động nước ngoài và bảo vệ môi trường chưa chặt chẽ. Khảo sát cán bộ quản lý cho thấy công tác thanh tra, kiểm tra được đánh giá cao (4,34/5 điểm), đồng thời các đoàn kiểm tra đã đóng vai trò hỗ trợ, hướng dẫn khắc phục sai sót, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý KKTCK Lào Cai trong thời gian qua.

4.3. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai

4.3.1. Mô hình và các giả thuyết

4.3.2. Đánh giá độ tin cậy của thang đo thông qua hệ số Cronbach's Alpha

Kết quả kiểm định độ tin cậy bằng hệ số Cronbach's Alpha cho thấy đa số các thang đo trong nghiên cứu đạt mức chấp nhận được và đảm bảo tính nhất quán nội tại để sử dụng trong các bước phân tích tiếp theo. Cụ thể, các thang đo Quan hệ quốc tế và hợp tác khu vực (INT) và Năng lực cạnh tranh và đổi mới (COM) sau khi loại bỏ biến không phù hợp đạt hệ số Alpha cao ($\geq 0,80$), phản ánh độ tin cậy rất tốt. Các thang đo Cơ sở hạ tầng (INF), Chính sách quản lý và ưu đãi (POL), Nguồn nhân lực (HR) và Môi trường.

4.3.3. Phân tích nhân tố khám phá EFA

Kết quả phân tích nhân tố khám phá cho thấy cấu trúc thang đo ban đầu về cơ bản phù hợp với dữ liệu thực tế. Các biến quan sát được nhóm vào đúng các khái niệm lý thuyết dự kiến, ngoại trừ một vài biến có tải trọng chéo nhẹ như POL4, tuy nhiên vẫn nằm trong ngưỡng có thể chấp nhận được. Các nhóm nhân tố hình thành đều có ý nghĩa thực tiễn và khái niệm rõ ràng.

4.3.4. Phân tích hồi quy và kiểm định giả thuyết

Mô hình hồi quy tuyến tính bội được sử dụng nhằm đánh giá mức độ tác động của các yếu tố đến sự phát triển của Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai. Các biến độc lập được đưa vào mô hình gồm: (1) Cơ sở hạ tầng, (2) Quan hệ

quốc tế và hợp tác khu vực, (3) Chính sách quản lý và ưu đãi, (4) Năng lực cạnh tranh và đổi mới, (5) Nguồn nhân lực, (6) Môi trường sống và xã hội.

Kết quả phân tích cho thấy mô hình đạt độ phù hợp cao, với hệ số $R^2 = 0.657$, tức là khoảng 65,7% sự biến động của phát triển KKTCK Lào Cai được giải thích bởi các yếu tố trong mô hình. Kiểm định ANOVA cho thấy mô hình có ý nghĩa thống kê với giá trị $F = 88.583$ và $p\text{-value} < 0.001$, chứng minh rằng các biến độc lập có ảnh hưởng tổng thể đáng kể đến biến phụ thuộc.

Phương trình hồi quy được biểu diễn như sau:

$$DEV = 0,314 + 0,110 \times INF + 0,157 \times INT + 0,156 \times POL + 0,098 \times COM + 0,265 \times HR + 0,121 \times SOC$$

Kết quả mô hình cho thấy sự phát triển KKTCK chịu tác động mạnh nhất từ nguồn nhân lực ($Beta = 0,411$), khẳng định vai trò trung tâm của yếu tố con người trong bối cảnh kinh tế biên giới ngày càng phức tạp, hội nhập sâu và chuyển đổi số mạnh mẽ. Tiếp theo là môi trường sống và xã hội ($Beta = 0,294$) và quan hệ quốc tế, hợp tác khu vực ($Beta = 0,246$), phản ánh sự dịch chuyển rõ nét từ mô hình phát triển dựa chủ yếu vào hạ tầng và ưu đãi sang mô hình phát triển tổng hợp, coi trọng chất lượng sống, an sinh xã hội và liên kết xuyên biên giới. Các yếu tố chính sách ưu đãi, cơ sở hạ tầng và năng lực cạnh tranh – đổi mới vẫn có ảnh hưởng đáng kể nhưng chủ yếu đóng vai trò điều kiện nền tảng hơn là lợi thế khác biệt. Đáng chú ý, biến môi trường kinh tế toàn cầu bị loại khỏi mô hình do đa cộng tuyến hoàn toàn, cho thấy tác động của yếu tố này đã được phản ánh gián tiếp thông qua các biến khác. Nhìn chung, kết quả nghiên cứu nhấn mạnh sự thay đổi căn bản trong tư duy phát triển KKTCK hiện đại, trong đó các yếu tố “mềm” như con người, xã hội và hợp tác quốc tế giữ vai trò quyết định đối với hiệu quả và tính bền vững của khu kinh tế cửa khẩu.

4.4. Đánh giá chung

4.4.1. Các kết quả đạt được

Trong giai đoạn 2020–2024, Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai đã đạt được nhiều kết quả quan trọng. Kim ngạch xuất nhập khẩu duy trì quy mô lớn và có xu hướng phục hồi rõ rệt sau dịch Covid-19, khẳng định Lào Cai là một trong những địa bàn XNK trọng điểm của miền Bắc. Hoạt động xuất nhập khẩu, đặc biệt là nông sản, diễn ra sôi động; thương mại biên giới từng bước chuyển từ tiểu ngạch sang chính ngạch, góp phần ổn định đầu ra và nâng cao tính tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp. Hệ thống hạ tầng cửa khẩu, giao thông và logistics được đầu tư đồng bộ với nhiều công trình trọng điểm, hình thành các khu chức năng chuyên biệt và từng bước phát triển mô hình đô thị biên giới hiện đại gắn với thành phố Lào Cai. Công tác thu hút đầu tư có chuyển biến tích cực, môi trường kinh doanh được cải thiện, số lượng doanh nghiệp hoạt động thường xuyên gia tăng. Cải cách hành chính và chuyển đổi số được đẩy mạnh thông qua mô hình “một cửa – một điểm dừng” và xây dựng cửa khẩu số, giúp rút ngắn thời gian thông quan và nâng cao tính minh bạch. Đồng thời, hợp tác quốc tế và đối ngoại biên giới với Trung Quốc được tăng cường, góp phần tháo gỡ vướng mắc thương mại và mở rộng kết nối chuỗi cung ứng khu vực. Những kết quả này đã tạo thêm nhiều việc làm, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng biên và từng bước nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân khu vực cửa khẩu.

4.4.2. Các tồn tại, hạn chế

Hoạt động xuất nhập khẩu tại cửa khẩu Lào Cai còn phụ thuộc lớn vào chính sách phía Trung Quốc, khiến doanh nghiệp bị động, đặc biệt với nông sản. Cơ cấu hàng hóa thiếu đa dạng, chủ yếu là nông sản giá trị thấp; các hoạt động chế biến sâu, thương mại điện tử và logistics chưa phát triển, chi phí cao làm giảm sức cạnh tranh. Cơ chế phối hợp liên ngành và hợp tác song phương chưa hiệu quả, xử lý tình huống còn chậm. Hạ tầng cửa khẩu, giao thông và logistics chưa đáp ứng nhu cầu, thiếu kho lạnh, bãi container và trung tâm kiểm dịch hiện đại; vận tải đường sắt chưa được khai thác hiệu quả. Nền tảng cửa khẩu số chưa hoàn thiện, thủ tục còn rườm rà; thương mại

tiểu ngạch còn phổ biến, tiềm ẩn rủi ro. Ngoài ra, chất lượng nguồn nhân lực còn hạn chế, đặc biệt về ngoại ngữ, logistics và thương mại điện tử.

4.4.3. Những nguyên nhân của hạn chế

4.4.3.1. Nguyên nhân khách quan

KKTCK Lào Cai chịu tác động mạnh từ điều kiện tự nhiên bất lợi do là tỉnh miền núi, địa hình phức tạp, giao thông khó khăn, khiến chi phí đầu tư hạ tầng cao trong khi nguồn ngân sách còn hạn chế. Giai đoạn 2020–2024, bối cảnh kinh tế – chính trị thế giới biến động mạnh bởi đại dịch Covid-19 kéo dài, xung đột địa chính trị và suy giảm tăng trưởng toàn cầu, làm giảm nhu cầu thương mại và ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất, xuất nhập khẩu của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, sự cạnh tranh gay gắt từ các cửa khẩu lớn như Hữu Nghị và Móng Cái – nơi có hạ tầng và dịch vụ phát triển hơn – khiến Lào Cai gặp bất lợi trong thu hút doanh nghiệp. Hoạt động thông thương chủ yếu dựa trên thỏa thuận cấp địa phương, thiếu hiệp định song phương toàn diện, làm hạn chế hiệu quả phối hợp và xử lý tranh chấp. Ngoài ra, việc điều chỉnh quy hoạch và chính sách ưu đãi KKTCK chịu ràng buộc bởi khung pháp lý và thủ tục hành chính phức tạp, dẫn đến độ trễ trong triển khai dự án và thích ứng với biến động thị trường.

4.4.3.2. Nguyên nhân chủ quan

Hạ tầng KKTCK chưa được đầu tư đồng bộ và có tầm nhìn dài hạn; một số quy hoạch chi tiết chậm được xử lý chuyển tiếp, nhiều dự án kéo dài do thiếu vốn, làm hạn chế phát triển logistics và công nghiệp phụ trợ. Công tác quản lý nhà nước còn bất cập khi phối hợp liên ngành chưa hiệu quả, thủ tục hành chính vẫn rườm rà và việc ứng dụng nền tảng số chưa đồng đều. Cộng đồng doanh nghiệp chủ yếu là doanh nghiệp vừa và nhỏ, thiếu nhà đầu tư chiến lược và năng lực lớn; nhiều doanh nghiệp hoạt động manh mún, chưa chú trọng chế biến sâu, truy xuất nguồn gốc, kiểm định chất lượng và xây dựng thương hiệu. Bên cạnh đó, thói quen phụ thuộc vào thương mại tiểu ngạch, thiếu hợp đồng chính ngạch làm gia tăng rủi ro và giảm tính bền vững của hoạt động xuất nhập khẩu qua KKTCK Lào Cai.

CHƯƠNG 5

GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN KHU KINH TẾ CỬA KHẨU LÀO CAI TRONG XU THẾ HỘI NHẬP KINH TẾ TOÀN CẦU

5.1. Bối cảnh quốc tế, khu vực và trong nước và dự báo hướng phát triển phát triển KKTCK Lào Cai

5.1.1. Bối cảnh quốc tế

5.1.2. Bối cảnh khu vực

5.1.3. Bối cảnh trong nước

5.1.4. Dự báo phát triển Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai – Hà Khẩu

5.2. Định hướng, mục tiêu và dự báo phát triển Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai đến năm 2030 trong xu thế hội nhập kinh tế toàn cầu

5.2.1. Định hướng

5.2.2. Mục tiêu phát triển Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai đến năm 2030 trong xu thế hội nhập kinh tế toàn cầu

** Mục tiêu tổng quát*

Phấn đấu xây dựng KKTCK Lào Cai trở thành một khu kinh tế động lực vùng Trung du và miền núi phía Bắc, đóng vai trò là đầu mối giao thương chiến lược giữa Việt Nam và vùng Tây Nam Trung Quốc, là trung tâm logistics, công nghiệp phụ trợ và dịch vụ thương mại biên giới hiện đại, gắn với phát triển đô thị biên giới và đảm bảo quốc phòng, an ninh khu vực biên giới.

** Mục tiêu cụ thể đến năm 2030.*

5.2.3. Chỉ tiêu phát triển trọng điểm và Phương án tổ chức không gian đến năm 2030

5.3. Một số giải pháp nhằm đẩy mạnh phát triển Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai trong xu thế hội nhập kinh tế toàn cầu

Thứ nhất, hoàn thiện thể chế và chính sách đặc thù cho KKTCK Lào Cai. Cần xây dựng khung thể chế riêng cho KKTCK Lào Cai theo hướng linh hoạt và cạnh tranh, trong đó tăng phân cấp, phân quyền cho Ban Quản

lý, hoàn thiện cơ chế “một cửa” điện tử liên thông và ổn định chính sách ưu đãi đầu tư. Đồng thời, đẩy mạnh thể chế hóa hợp tác song phương Việt Nam – Trung Quốc tại khu vực cửa khẩu nhằm nâng cao hiệu quả điều phối, giảm rủi ro chính sách và tạo môi trường đầu tư minh bạch, ổn định.

Thứ hai, hoàn thiện mô hình quản lý và quy hoạch không gian KKTCK. Giải pháp nhằm hiện đại hóa quản lý và không gian KKTCK Lào Cai theo ba trọng tâm: (1) Chuyển đổi Ban Quản lý thành đầu mối chuyên trách, tự chủ, với hệ thống quản trị số và tài chính linh hoạt. (2) Tái cấu trúc không gian thành các phân khu chức năng tích hợp hạ tầng xanh-thông minh. (3) Số hóa toàn bộ quy trình và dữ liệu quy hoạch. Mục tiêu đến 2030 là hình thành mô hình quản lý tập trung, không gian hiệu quả và hệ thống quản trị số minh bạch, có thể nhân rộng.

Thứ ba, xây dựng cơ chế tài chính đặc thù và huy động vốn đầu tư cho KKTCK Lào Cai. Giải pháp trọng tâm là tăng quyền tự chủ tài chính cho KKTCK Lào Cai, cho phép giữ lại một phần nguồn thu để tái đầu tư hạ tầng; thành lập Quỹ Phát triển KKTCK; đẩy mạnh huy động vốn ngoài ngân sách thông qua PPP, trái phiếu công trình và vốn ODA. Cơ chế tài chính cần bảo đảm minh bạch, gắn với hiệu quả đầu ra và tăng khả năng thu hút nhà đầu tư chiến lược.

Thứ tư, phát triển đồng bộ hạ tầng kết nối và logistics. Ưu tiên đầu tư nâng cấp giao thông liên vùng, kết nối cao tốc – cửa khẩu – khu công nghiệp; xây dựng trung tâm logistics cấp vùng, cảng cạn, kho ngoại quan và kho lạnh. Song song với đó là đẩy mạnh số hóa logistics, phát triển logistics xanh và tăng cường kết nối vận tải đa phương thức nhằm giảm chi phí và nâng cao năng lực cạnh tranh của khu kinh tế.

Thứ năm, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp. Cần tập trung đào tạo nguồn nhân lực chuyên sâu về logistics, thương mại biên giới, ngoại ngữ và công nghệ số; củng cố năng lực đội ngũ cán bộ quản lý cửa khẩu; đồng thời ban hành chính sách thu hút

chuyên gia và lao động chất lượng cao. Hệ thống dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp cần được hoàn thiện theo mô hình “một cửa, tại chỗ”, đặc biệt hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Thứ sáu, thúc đẩy thương mại điện tử và kinh tế số xuyên biên giới. Giải pháp bao gồm xây dựng hạ tầng TMĐT tại cửa khẩu, hỗ trợ doanh nghiệp địa phương tham gia các nền tảng TMĐT quốc tế, tăng cường thanh toán điện tử, truy xuất nguồn gốc và bảo đảm an ninh mạng. Qua đó, từng bước chuyển dịch hoạt động thương mại biên giới từ truyền thống sang mô hình số hóa, hiện đại.

Thứ bảy, đẩy mạnh các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp tại KKTCK Lào Cai. Việc phát triển dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp tại KKTCK Lào Cai nhằm khắc phục hạn chế hiện tại, đặc biệt với DN NVV. Giải pháp trọng tâm gồm hoàn thiện cơ chế “một cửa” gắn với chuyển đổi số; phát triển xúc tiến thương mại, logistics và thương mại điện tử; xây dựng hệ sinh thái hỗ trợ doanh nghiệp và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Kết quả kỳ vọng là cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh và thúc đẩy Lào Cai trở thành trung tâm logistics – thương mại khu vực.

Thứ tám, tăng cường hợp tác quốc tế và liên kết vùng. Cần thiết lập cơ chế điều phối hợp tác xuyên biên giới Lào Cai – Hà Khẩu, đồng thời thúc đẩy liên kết vùng với các tỉnh trung du và miền núi phía Bắc nhằm hình thành chuỗi giá trị sản xuất – chế biến – logistics – xuất khẩu. Việc tham gia sâu hơn vào các chương trình hợp tác quốc tế sẽ giúp KKTCK Lào Cai mở rộng không gian phát triển và nâng cao vị thế khu vực.

5.4. Kiến nghị

5.4.1. Kiến nghị đối với Chính phủ

5.4.2. Kiến nghị đối với các bộ, ngành Trung ương

5.4.3. Kiến nghị với UBND tỉnh Lào Cai

KẾT LUẬN

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng và xu hướng phát triển kinh tế biên mậu ngày càng mạnh mẽ, các khu kinh tế cửa khẩu đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy thương mại quốc tế, phát triển logistics và tăng cường liên kết kinh tế vùng. Với vị trí địa kinh tế đặc biệt trên tuyến hành lang kinh tế Côn Minh – Lào Cai – Hà Nội – Hải Phòng, Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai có vai trò quan trọng trong kết nối kinh tế giữa Việt Nam với khu vực Tây Nam Trung Quốc và khu vực ASEAN. Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn đó, luận án đã tập trung nghiên cứu vấn đề phát triển Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai dưới góc độ quản lý kinh tế, qua đó đạt được một số kết quả chủ yếu sau:

Thứ nhất, về phương diện lý luận, luận án đã hệ thống hóa và làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về phát triển khu kinh tế cửa khẩu trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.

Thứ hai, về phương diện thực tiễn, luận án đã phân tích và đánh giá một cách toàn diện thực trạng phát triển Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai trong giai đoạn 2020–2024 trên nhiều phương diện như xây dựng kế hoạch phát triển, tổ chức thực hiện và quản lý khu kinh tế cửa khẩu, phát triển hạ tầng giao thông – logistics, hoạt động xuất nhập khẩu, thu hút đầu tư và hợp tác kinh tế xuyên biên giới.

Thứ ba, luận án đã xây dựng và kiểm định mô hình các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai thông qua phương pháp phân tích định lượng.

Thứ tư, trên cơ sở phân tích bối cảnh phát triển quốc tế, khu vực và trong nước, luận án đã đề xuất hệ thống định hướng và giải pháp nhằm thúc đẩy phát triển Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045.

Tuy đã đạt được những kết quả nhất định, luận án vẫn còn một số hạn chế nhất định. Phạm vi nghiên cứu chủ yếu tập trung vào Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai nên chưa có điều kiện so sánh sâu với các khu kinh tế cửa

khẩu khác trong cả nước; một số yếu tố mới như chuyển đổi số trong quản lý cửa khẩu và logistics thông minh mới chỉ được đề cập ở mức định hướng. Đây cũng là những hướng nghiên cứu có thể tiếp tục được triển khai trong các nghiên cứu tiếp theo.

Nhìn chung, kết quả nghiên cứu của luận án đã góp phần làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về phát triển khu kinh tế cửa khẩu, đồng thời cung cấp các luận cứ khoa học và thực tiễn cho việc hoạch định chính sách và xây dựng giải pháp nhằm thúc đẩy phát triển Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.